

**PL 01 - DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÃ THU - NỘP HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2018-2019  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CLC ĐÁP ỨNG TT 23/2014/TT-BGDĐT**

(Kèm theo thông báo số 2948 /ĐHKT-KHTC ngày 02/11/2018)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn / giảm	Học phí phải nộp	Nộp tại BIDV	Số nợ
1	16050688	Vũ Kim Anh	01/02/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
2	16050693	Nguyễn Minh Anh	11/22/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	18,535,000	-
3	16050698	Đỗ Quỳnh Anh	08/12/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
4	16050701	Nguyễn Văn Anh	06/27/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
5	16050704	Vương Trung Ân	06/30/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
6	16050711	Phạm Thị Thảo Chi	06/21/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
7	16050713	Hoàng Đức Chính	11/28/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
8	16050714	Nguyễn Ngọc Diệp	12/27/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
9	16050715	Nguyễn Phương Dung	10/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	17,845,000	-
10	16050718	Vũ Thị Thùy Dương	02/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
11	16050743	Đào Lương Thúy Hiền	03/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	17,845,000	-
12	16050744	Lê Xuân Hiền	04/30/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
13	16050756	Hoàng Lê Kiên	01/18/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
14	16050765	Đỗ Thị Linh Linh	02/01/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	20,065,000	-	20,065,000	20,065,000	-
15	16050766	Đình Phương Linh	07/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	17,845,000	-
16	16050768	Vũ Thị Phương Linh	10/05/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
17	16050769	Đỗ Việt Phương Linh	10/02/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	17,845,000	-
18	16050777	Hoàng Ngọc Mai	08/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
19	16050780	Trần Thị Hà My	04/07/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
20	16050782	Bùi Bích Ngọc	09/13/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
21	16050788	Bùi Giang Nhi	08/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
22	16050790	Ông Vũ Quỳnh Như	12/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	17,845,000	-
23	16050793	Nguyễn Thanh Phong	11/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
24	16050794	Trịnh Phong	09/29/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
25	16050801	Chu Minh Quang	10/16/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
26	16050808	Nguyễn Đức Tâm	12/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
27	16050815	Lê Hoa Thiên Thảo	11/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
28	16050819	Phạm Diễm Thủy Tiên	12/25/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
29	16050826	Nguyễn Minh Trang	06/20/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	17,845,000	-
30	16050827	Hoàng Thị Quỳnh Trang	10/14/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
31	16050830	Nguyễn Thiên Trang	07/14/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
32	16050834	Nguyễn Thị Thùy Trang	10/09/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
33	16050835	Lương Thị Thanh Tú	06/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
34	16050838	Trần Thẩm Tuấn	11/25/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
35	16050841	Nguyễn Thị Uyên	09/18/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
36	16050842	Nguyễn Thu Uyên	08/18/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
37	16050845	Nguyễn Thị Thúy Vi	06/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn / giảm	Học phí phải nộp	Nộp tại BIDV	Số nợ
38	16050850	Nguyễn Khánh Vy	01/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
39	16052341	Ngô Mai Anh	11/24/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
40	16052342	Nguyễn Thị Minh Anh	10/05/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
41	16052343	Đoàn Việt Bách	07/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
42	16052344	Nguyễn Kim Chi	01/24/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
43	16052347	Nguyễn Thị Hương Giang	06/01/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
44	16052349	Nguyễn Thị Thuý Hằng	10/30/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	18,535,000	-
45	16052350	Bùi Nguyệt Hoa	01/29/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	17,845,000	-
46	16052351	Nguyễn Thu Hồng	07/22/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
47	16052354	Nguyễn Thị Hương	08/12/1996	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
48	16052355	Nguyễn Thị Hương	12/13/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
49	16052356	Vũ Duy Khánh	01/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	17,845,000	-
50	16052357	Phan Khánh Linh	09/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
51	16052359	Nguyễn Vũ Thuý Linh	06/16/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
52	16052361	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	02/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,190,000	-	18,190,000	18,190,000	-
53	16052363	Đào Thị Hồng Nhung	02/21/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
54	16052365	Nguyễn Thị Thanh Phương	03/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	17,845,000	-
55	16052366	Nguyễn Thu Phương	09/24/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
56	16052369	Đỗ Minh Trang	09/13/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
57	16052370	Lưu Minh Trang	03/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	18,535,000	-	18,535,000	18,535,000	-
58	16052371	Nguyễn Anh Trung	01/31/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
59	16052374	Nguyễn Hoàng Tùng	05/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	20,065,000	-	20,065,000	20,065,000	-
60	16052375	Nguyễn Thị Thu Uyên	02/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
61	16052376	Lê Khánh Tường Vân	11/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	17,845,000	-
62	16051011	Nguyễn Đức Anh	05/28/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	4,050,000	13,450,000	13,450,000	-
63	16051014	Nguyễn Phương Anh	11/27/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	18,190,000	-	18,190,000	18,190,000	-
64	16051024	Nguyễn Thị Linh Chi	11/12/1997	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	4,050,000	13,450,000	13,450,000	-
65	16051028	Nguyễn Hữu Dũng	04/11/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	17,845,000	-
66	16051033	Dương Thị Hương Giang	07/01/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,845,000	-	17,845,000	17,845,000	-
67	16051039	Nguyễn Thu Hà	11/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
68	16051041	Đỗ Anh Hào	03/04/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
69	16051044	Hoàng Thuý Hằng	05/15/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
70	16051045	Trịnh Yến Hằng	11/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	20,065,000	-	20,065,000	20,065,000	-
71	16051048	Nguyễn Thu Hiền	11/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
72	16051049	Nguyễn Thục Hiền	11/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
73	16051052	Lê Trung Hiếu	04/05/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
74	16051059	Nguyễn Thanh Huyền	09/04/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
75	16051060	Vũ Thị Thanh Huyền	07/17/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
76	16051061	Hoàng Thị Huyền	04/24/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	20,065,000	-	20,065,000	20,065,000	-
77	16051065	Vũ Thị Tú Lệ	08/25/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
78	16051072	Trần Khánh Linh	01/13/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	21,775,000	-	21,775,000	21,775,000	-
79	16051074	Nguyễn Nhật Linh	01/03/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn / giảm	Học phí phải nộp	Nộp tại BIDV	Số nợ
80	16051080	Cao Hoàng Yến Linh	09/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
81	16051081	Vũ Thanh Loan	08/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
82	16051085	Nguyễn Thị Ly	07/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
83	16051089	Lê Thị Mai	02/18/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
84	16051093	Đào Phương Minh	11/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
85	16051096	Lưu Hải Nam	03/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
86	16051099	Phạm Nguyễn Bảo Nghi	09/20/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
87	16051103	Đỗ Đăng Tùng Nhật	08/15/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
88	16051105	Nguyễn Hồng Nhung	03/09/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
89	16051112	Nguyễn Đặng Bảo Quyên	03/15/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
90	16051115	Nguyễn Thái Sơn	04/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
91	16051120	Đình Phương Thảo	04/23/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
92	16051121	Phạm Ngọc Phương Thảo	06/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
93	16051123	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/28/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
94	16051124	Vũ Thị Phương Thảo	05/22/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
95	16051125	Nguyễn Thanh Thảo	07/11/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
96	16051138	Hoàng Huyền Trang	09/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
97	16051140	Hoàng Thu Trang	10/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
98	16051141	Nguyễn Thu Trang	11/27/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
99	16051146	Phạm Thị Cẩm Tú	05/13/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	19,210,000	-	19,210,000	19,210,000	-
100	16051147	Nguyễn Thanh Tùng	09/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
101	16052331	Vũ Trung Anh	08/05/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
102	16052332	Đình Bảo Duy	03/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
103	16052334	Nguyễn Thị Huyền	02/12/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
104	16052336	Trần Thu Thảo	04/27/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
105	16052338	Nguyễn Đức Tùng	05/25/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	20,710,000	-	20,710,000	20,710,000	-
106	17050543	Nguyễn Thị Diễm Anh	01/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
107	17050546	Nguyễn Thị Kim Anh	06/23/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
108	17050548	Đặng Minh Anh	10/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
109	17050550	Bùi Thị Ngọc Anh	12/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
110	17050553	Phạm Quỳnh Anh	03/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
111	17050555	Hoàng Thu Anh	02/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	4,050,000	13,450,000	13,450,000	-
112	17050557	Trần Tùng Anh	01/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
113	17050560	Nguyễn Thị Minh Ánh	04/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
114	17050562	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	08/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	22,300,000	-	22,300,000	22,300,000	-
115	17050564	Nguyễn Xuân Bách	02/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
116	17050566	Nguyễn Minh Châu	04/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
117	17050569	Trần Bích Diệp	06/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
118	17050571	Vũ Thúy Dung	07/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	20,920,000	-	20,920,000	20,920,000	-
119	17050575	Phạm Anh Đức	07/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
120	17050578	Trịnh Thái Hà	08/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
121	17050581	Trần Lam Hải	09/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn / giảm	Học phí phải nộp	Nộp tại BIDV	Số nợ
122	17050585	Vương Thu Hằng	03/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
123	17050587	Đông Thị Hiền	01/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
124	17050590	Trần Mỹ Hoa	06/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
125	17050593	Nguyễn Lê Huy Hoàng	11/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
126	17050597	Nguyễn Quang Huy	11/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
127	17050599	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
128	17050601	Vũ Thị Thu Huyền	04/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
129	17050605	Lê Thu Hương	09/30/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
130	17050607	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/25/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
131	17050609	Phùng Thị Lệ	11/08/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	18,880,000	-	18,880,000	18,880,000	-
132	17050612	Nguyễn Lương Khánh Linh	09/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
133	17050614	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
134	17050617	Nguyễn Thị Hải Lý	09/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
135	17050620	Nguyễn Tuấn Minh	07/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	20,590,000	-	20,590,000	20,590,000	-
136	17050623	Đặng Xuân Nam	08/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
137	17050625	Lê Hoàng Ngân	05/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
138	17050627	Vũ Đức Nghĩa	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
139	17050630	Nguyễn Thị Minh Ngọc	07/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	18,880,000	-	18,880,000	18,880,000	-
140	17050632	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	02/06/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
141	17050634	Hoàng Đức Ninh	12/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
142	17050637	Vũ Thu Phương	11/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
143	17050639	Đào Diễm Quỳnh	07/07/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
144	17050641	Khuất Thị Thúy Quỳnh	10/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
145	17050642	Nguyễn Thị Tâm	07/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
146	17050643	Đặng Xuân Thanh	12/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
147	17050645	Nguyễn Phương Thảo	11/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
148	17050647	Nguyễn Thị Thu Trà	09/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
149	17050653	Đình Hoàng Trung	06/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
150	17050656	Nguyễn Minh Tuấn	04/06/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	21,355,000	-	21,355,000	21,355,000	-
151	17050659	Bùi Cẩm Vân	01/18/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
152	17050545	Đình Thị Hoàng Anh	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
153	17050547	Hà Thị Lan Anh	01/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
154	17050549	Nguyễn Minh Anh	12/02/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
155	17050552	Phạm Quỳnh Anh	12/10/1997	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
156	17050554	Bùi Thị Anh	09/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
157	17050556	Nguyễn Tuấn Anh	04/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
158	17050558	Lê Thị Vân Anh	07/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
159	17050561	Đỗ Thị Ngọc Ánh	03/20/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
160	17050563	Vũ Thị Ánh	02/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
161	17050565	Vũ Ngọc Bảo	06/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
162	17050568	Nguyễn Ngọc Linh Chi	12/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
163	17050570	Phạm Thị Ngọc Diệp	02/23/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn / giảm	Học phí phải nộp	Nộp tại BIDV	Số nợ
164	17050574	Vũ Hải Đăng	09/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
165	17050577	Lê Vương Hà	06/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
166	17050580	Nguyễn Thị Việt Hà	08/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
167	17050582	Lê Thị Hồng Hạnh	11/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
168	17050584	Vũ Thị Thu Hằng	08/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
169	17050586	Lê Thị Thanh Hiền	01/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
170	17050589	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
171	17050591	Vũ Thị Thu Hòa	12/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
172	17050596	Bùi Mạnh Hùng	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
173	17050598	Phạm Quang Huy	03/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
174	17050600	Chu Thị Huyền	10/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
175	17050602	Trần Mậu Hưng	06/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
176	17050608	Nguyễn Thị Hoàng Lan	10/23/1998	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
177	17050613	Ngô Phương Linh	09/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
178	17050615	Trần Thuý Linh	10/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
179	17050618	Dương Huyền Mai	02/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
180	17050621	Nguyễn Ngọc Hà My	12/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
181	17050624	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	03/31/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
182	17050626	Đặng Thị Ngân	08/20/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
183	17050629	Đỗ Minh Ngọc	09/12/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
184	17050631	Bùi Thị Ngọc	04/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
185	17050633	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
186	17050636	Nguyễn Công Diệu Phương	01/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
187	17050638	Cao Thị Quế	08/12/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
188	17050640	Vũ Ngọc Quỳnh	04/26/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	4,050,000	13,450,000	13,450,000	-
189	17050644	Hà Minh Thảo	02/26/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
190	17050651	Nguyễn Thị Trang	11/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
191	17050655	Nguyễn Thị Ngọc Tú	11/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
192	17050658	Vũ Hồng Tươi	12/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
193	17050660	Phạm Mai Anh	07/03/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
194	17050663	Lê Thị Ngọc Ánh	12/15/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
195	17050664	Nguyễn Linh Chi	07/18/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
196	17050665	Trần Ngọc Vân Chi	11/20/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
197	17050667	Nguyễn Trí Dũng	01/21/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
198	17050668	Trần Hoàng Dương	10/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
199	17050669	Lương Thị Thuý Dương	07/14/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
200	17050670	Đỗ Thái Đông	06/16/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
201	17050672	Lê Hà Giang	09/17/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
202	17050674	Nguyễn Hải Hiệp	07/21/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
203	17050675	Nghiêm Trung Hiếu	04/18/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
204	17050677	Nguyễn Thị Xuân Hòa	08/01/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
205	17050679	Nguyễn Đức Hùng	02/02/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	19,210,000	-	19,210,000	19,210,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn / giảm	Học phí phải nộp	Nộp tại BIDV	Số nợ
206	17050680	Lê Huy	07/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
207	17050681	Nguyễn Thanh Huyền	08/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
208	17050683	Trần Thị Thanh Huyền	03/27/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
209	17050684	Nguyễn Thu Huyền	10/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
210	17050685	Vũ Quỳnh Hương	09/06/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
211	17050686	Lê Thị Hương	10/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
212	17050688	Nguyễn Tuấn Khải	08/27/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	18,880,000	-	18,880,000	18,880,000	-
213	17050689	Nguyễn Quốc Khánh	08/30/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	19,210,000	-	19,210,000	19,210,000	-
214	17050694	Nguyễn Tất Linh	01/14/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	19,210,000	-	19,210,000	19,210,000	-
215	17050695	Hoàng Thị Yến Linh	11/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
216	17050698	Đặng Hương Ly	04/07/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
217	17050700	Phạm Công Minh	12/07/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
218	17050701	Đình Quang Minh	11/23/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
219	17050702	Trần Phùng Hà My	05/14/1998	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
220	17050703	Mai Hải Nam	09/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
221	17050705	Bùi Bích Ngọc	08/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
222	17050708	Phạm Kim Oanh	07/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
223	17050709	Phạm Hà Phương	01/20/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
224	17050714	Phan Diễm Quỳnh	10/09/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
225	17050715	Bùi Ngọc Quỳnh	07/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
226	17050716	Phạm Thuý Quỳnh	06/22/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
227	17050717	Nguyễn Thị Minh Tâm	02/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
228	17050719	Đỗ Phương Thảo	09/22/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	18,880,000	4,050,000	14,830,000	14,830,000	-
229	17050720	Nguyễn Thị Thoa	09/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
230	17050722	Phạm Ngọc Thương	07/19/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
231	17050723	Chu Huyền Trang	01/31/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
232	17050724	Đỗ Huyền Trang	09/13/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	18,880,000	-	18,880,000	18,880,000	-
233	17050727	Nguyễn Thị Thu Trang	11/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
234	17050730	Đình Anh Tuấn	05/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	18,880,000	-	18,880,000	18,880,000	-
235	17050732	Nguyễn Quang Tuyền	10/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
236	17050733	Nguyễn Thị Xuyên	08/11/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
237	17050734	Hà Thị Hải Yến	07/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
238	17050735	Đỗ Quỳnh Anh	07/04/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	21,445,000	-	21,445,000	21,445,000	-
239	17050737	Phạm Hoàng Minh Châu	10/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
240	17050738	Nguyễn Linh Diệp	10/01/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
241	17050739	Nguyễn Khánh Duy	01/24/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
242	17050740	Đỗ Tiến Đạt	04/19/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	21,445,000	-	21,445,000	21,445,000	-
243	17050741	Nguyễn Thị Hà Giang	01/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
244	17050742	Lê Thu Giang	07/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
245	17050743	Nguyễn Ngọc Hải	04/10/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
246	17050744	Nguyễn Thanh Hằng	10/07/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
247	17050746	Phạm Đức Huy	08/08/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn / giảm	Học phí phải nộp	Nộp tại BIDV	Số nợ
248	17050747	Bùi Huyền Hương	10/15/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
249	17050750	Đỗ Nguyễn Thảo Linh	09/12/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	21,445,000	-	21,445,000	21,445,000	-
250	17050751	Nguyễn Thùy Linh	10/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
251	17050752	Vương Thị Hương Ly	12/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
252	17050753	Trần Phương Nam	10/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
253	17050756	Trịnh Thị Thanh Phúc	02/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
254	17050757	Nguyễn Hạnh Uyên Phương	01/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
255	17050758	Lê Vũ Minh Quang	11/10/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
256	17050761	Phạm Huy Thành	03/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
257	17050762	Nguyễn Anh Thư	09/15/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
258	17050763	Trương Thị Trang	10/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
259	17050764	Nguyễn Thị Bảo Trâm	06/16/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
260	17050765	Vũ Kiều Trinh	09/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-
261	17050766	Phạm Anh Tuấn	07/19/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000	17,500,000	-

Danh sách gồm 261 sinh viên.